TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 05-3-2018
V/V Ly hôn giữa bà C và ông L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Bé

Ông Lê Quốc Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 285/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C. Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lâm Văn L. Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà và ông Lâm Văn L kết hôn từ năm 1976, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 35 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Sau khi chung sống tính tình cả hai không hợp nhau, ông L có tính hay nghen nên mỗi khi có rượu ông L kiếm chuyện với bà tại nơi làm việc của bà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thùy Hương, sinh năm 1984 và Lâm Thùy Giang, sinh năm 1987 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng tường trình đề ngày 16/01/2018 ông Lâm Văn L là bị đơn trình bày: Trước yêu cầu ly hôn của bà C thì ông không đồng ý, vì nếu ông và bà C ly hôn sẽ ảnh hưởng đến danh dự gia đình.

Về nuôi con chung, về tài sản chung, về nợ chung là đúng.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị C và ông Lâm Văn L, chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay bà C yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy thuộc quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Ông Lâm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông L không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông L không đồng ý và ông L cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, do bà C và ông L chung sống với nhau từ năm 1976 cho đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định nên cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông L theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Cả hai đương sự xác định thống nhất, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Lâm Văn L.

2. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0007995 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Trí